

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/KDTM-ST

Ngày: 08/7/2024

“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Minh Huyền

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chau Khon Sốc;

2. Ông Mai Văn Tài;

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Văn Việt, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Ngọc Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 05/2024/TLST-KDTM, ngày 12 tháng 7 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST-KDTM, ngày 10 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2024/QĐST-KDTM, ngày 24/6/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH An Phát Kiên Giang; trụ sở: Số 19, tổ 1, ấp Đông Phước, xã Thạnh Đông A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Đình T; địa chỉ: Tổ 1, ấp Đông Phước, xã Thạnh Đông A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lâm Quốc C, sinh năm 1996; địa chỉ: Khu phố B, thị trấn Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang;

Tạm trú: Số 282, đường Tú Xương, khu dân cư Hồng Phát, phường An Bình, quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ (giấy ủy quyền ngày 10/11/2023) (có mặt);

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu T1 đại diện - Hộ kinh doanh Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp Ninh Hòa, xã An Tức, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 4 năm 2022, bản tự khai và biên bản không tiến hành hòa giải được tại Tòa án nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn An Phát Kiên Giang (gọi tắt là Công ty) có ông Lâm Quốc C đại diện theo giấy ủy quyền trình bày: Từ năm 2020 ông Nguyễn Hữu T1 đại diện - Hộ kinh doanh Nguyễn Hữu T1 (gọi tắt ông T1) có mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật của Công ty, ngày 31/3/2021 các bên có kết sổ chi tiết nợ tổng cộng là 429.000.000 đồng (*trong đó nợ tiền phân là 166.750.000 đồng, tiền thuốc là 263.240.000 đồng*). Do khi đến hạn thanh toán ông T1 không trả nợ và hẹn nhiều lần mà không thực hiện việc thanh toán nợ, theo sổ chi tiết nợ tiền phân thể hiện tổng nợ là 186.750.000 đồng nhưng theo đơn kiện chỉ thể hiện 166.750.000 đồng là vì sau khi chốt nợ xong thì ông T1 có trả nợ tiếp tục cho Công ty 20.000.000 đồng nên số nợ tiền phân chỉ còn nợ là 166.750.000 đồng và Công ty yêu cầu ông T1 phải trả tiền lãi tính đến ngày 07/4/2022 là 54.063.000 đồng (*trong đó lãi tiền phân tính từ ngày 15/01/2021 đến ngày 07/4/2022 và tiền lãi thuốc tính từ ngày 28/10/2020 đến ngày 07/4/2022 tính với lãi suất là 1%/tháng*). Nay Công ty yêu cầu hộ kinh doanh ông T1 phải trả tiền vốn là 429.000.000 đồng và tiền lãi là 54.063.000 đồng.

Theo bản tự khai ngày 22 tháng 12 năm 2023 Công ty cho rằng khi giao hàng cho ông T1 ngày 14/01/2021 thì ông T1 không có mặt nên con của ông T1 tên Quang đã ký nhận hai phiếu xuất kho cùng ngày đối với chứng từ HDS-1324 với các mặt hàng gồm Amin 480ml số lượng 40 thùng trị giá 2.800.000 đồng, Kasu 20SL AP-450ml số lượng 60 thùng giá 3.600.000 đồng, cặp AP Bush-Rocten số lượng 40 thùng giá 10.000.000 đồng, AP Achaco 70WP-900G số lượng 220 thùng giá 54.000.000 đồng, đặc trị bệnh 3 trong 1-800WP-100g số lượng 200 thùng giá 13.000.000 đồng, AP Gel Gold chai 350ml số lượng 120 thùng với giá 13.200.000 đồng, AP diệt cỏ mầm 65ec 1 lít số lượng 20 thùng giá 3.700.000 đồng nên tổng số tiền là 153.100.000 đồng nên Quang đã ký nhận hàng ghi “8 T1” do chính sách của Công ty khi mua hàng trị giá cán mốc 150.000.000 đồng trở lên thì sẽ được nhận một suất quà bốc thăm là 02 Quạt đứng, 03 bếp gas mini, 05 cáo thun, 10 thao rải phân nên Quang cũng đã ký nhận phiếu xuất kho nhận quà tặng nên ghi tên Quang ký nhận hàng. Cho nên việc ông T1 cho rằng không có nhận hàng theo chứng từ HDS-1324 trị giá là 153.100.000 đồng là Công ty không đồng ý và đề nghị Tòa án triệu tập Quang để làm việc.

Ngày 04 tháng 4 năm 2024 Công ty có đơn sửa đổi, bổ sung đơn kiện do trước đây theo đơn kiện thì Công ty có yêu cầu tính lãi tiền phân từ ngày 15/01/2021 đến ngày 07/4/2022 và lãi tiền thuốc từ ngày 28/01/2020 đến ngày 07/4/2022 đều với lãi suất là 1%/tháng. Nay Công ty yêu cầu tính lãi tiền phân từ ngày 31/3/2021 đến ngày 07/4/2022 là 20.010.000 đồng và lãi tiền thuốc từ ngày 31/3/2021 đến ngày 07/4/2022 là 31.588.800 đồng.

Ngày 23 tháng 10 năm 2023 Công ty có đơn yêu cầu giám định, tuy nhiên đến ngày 04 tháng 4 năm 2024 thì Công ty có đơn xin rút lại yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký.

Tài liệu chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh(bản photo); Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty (bản sao); Giấy ủy quyền ngày 06/4/2022 (bản chính); Giấy chứng nhận đủ điều kiện bán thuốc bảo vệ thực vật (bản photo); Phiếu xuất kho (bản chính); Sổ chi tiết nợ phải thu (bản chính); phiếu giao hàng (bản chính); Quy định chính sách khi mua sản phẩm của công ty (bản chính).

Tòa án ra Quyết định số 15/2022/QĐ – CCTLCC, ngày 22/12/2022 và Quyết định số 26/2024/QĐ-CCTLCC, ngày 11/01/2024 về việc yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn An Phát Kiên Giang cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho các sổ chi tiết nợ tiền phân, tiền thuốc thể hiện rõ số tiền thực hiện việc mua bán hàng hóa và yêu cầu cung cấp họ và tên, địa chỉ cụ thể của người tên Quang.

Ngày 06/01/2023 Công ty có giải trình bằng thông báo về việc cung cấp các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án biết đối với nợ tiền phân thì phiếu xuất kho ông T1 có ký nhận kèm theo phiếu hàng hóa thể hiện giá trị hàng hóa nợ đã cung cấp bản chính cho Tòa án còn đối với số tiền ông T1 trả cho Công ty thì do nhân viên anh Nguyễn Minh Đạo nhận và chuyển khoản về cho Công ty nên Công ty ghi nhận số nợ ông T1 đã thanh toán ngày 08/02/2021 trả 40.000.000 đồng và ngày 02/3/2021 trả 13.800.000 đồng; đối với nợ tiền thuốc thì Công ty cho rằng ngày 28/10/2020, ngày 25/11/2020, ngày 14/01/2021 và ngày 21/01/2021 ông T1 đều đã có ký phiếu xuất kho với Công ty và kèm theo phiếu hàng hóa của Công ty thể hiện giá trị hàng hóa; ngày 24/01/2021 Công ty có phiếu xuất kho nhưng do Công ty có mượn lại hàng ông T1 về bán lẻ nên không diễn giải ra nhưng ngày 31/01/2021 Công ty đã trả lại hàng mượn của ông T1 nên có phiếu xuất kho, kèm theo có các phiếu hàng hóa giá trị sản phẩm; ngày 02/02/2021 phiếu giao hàng do anh Đạo người của công ty đã giữ kèm bia tết đã giao nhưng do anh Đạo đã nghỉ việc nên Công ty không còn liên lạc được với anh Đạo nữa; ngày 10/3/2021 Công ty giao hàng qua phương tiện gửi xe Long Xuyên nên có xác nhận của chủ xe nhận hàng giao cho ông T1, có phiếu hàng hóa giá trị sản phẩm. Trong đó ngày 31/10/2020 dòng chữ 2t fl6 nghĩa là đặt 02 thùng F16 nhưng do không có hàng nên công ty không có giao và ngày 14/01/2021 dòng chữ quà xuất ht 16/1/2021=150t là xuất quà hội thảo gồm áo thun, quạt đứng, bếp gas, thảo rải phân khi mua suất 150 thùng thuốc nên không có giá trị. Đồng thời đối với yêu cầu cung cấp họ tên và địa chỉ cụ thể tên Quang thì Công ty không cung cấp được.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu T1 đại diện - Hộ kinh doanh Nguyễn Hữu T1 (gọi tắt là ông T1) trình bày: Ông T1 thừa nhận từ năm 2020 ông có mua phân, thuốc của Công ty nên theo sổ chi tiết nợ tiền phân ngày 31/3/2021 ông T1 nợ tổng cộng là 240.550.000 đồng (*trong đó ngày 15/01/2021 nợ 58.300.000 đồng, ngày 30/01/2021 nợ 182.250.000 đồng*) và ông đã thanh toán được 53.800.000

đồng nên ông thống nhất còn nợ là 186.750.000 đồng. Tuy nhiên, sau đó ông T1 có thanh toán nợ thêm 03 đợt, mỗi đợt là 40.000.000 đồng nên theo ông T1 số tiền còn nợ tiền phân của Công ty là 66.750.000 đồng. Đối với nợ tiền thuốc thì ông chỉ thừa nhận còn nợ 33.740.000 đồng vào ngày 10/3/2021, ngoài ra các ngày khác thì ông không có nợ. Cho nên hai chữ ký “T1” nhận nợ của sổ chi tiết nợ tiền phân và sổ chi tiết nợ tiền thuốc đều không phải chữ ký của ông đã ký và các phiếu xuất kho do Công ty cung cấp cũng không phải chữ ký của ông nhưng chỉ có phiếu xuất kho ngày 30/01/2021 thể hiện giao 400 bao phân thì ông thừa nhận đây là chữ ký của ông ký nhận chữ “Tám T1” và phiếu xuất kho ngày 24/01/2021 thì ông T1 có thừa nhận đây là chữ ký do con ông đã ký tên chữ “Quang” thể hiện nhận số lượng 120 cái, còn lại các phiếu khác thì ông T1 đều không thừa nhận chữ ký. Cho nên đối với số tiền vốn và lãi mà Công ty yêu cầu trả là 484.053.000 đồng thì ông không đồng ý vì ông nợ ít hơn số tiền Công ty yêu cầu.

Ông T1 đã được Tòa án triệu tập tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do chính đáng. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện và đơn yêu cầu sửa đổi bổ sung đơn kiện. Ông C xác định giữa Công ty và ông T1 mua bán thuốc bảo vệ thực vật là thỏa thuận thông qua nhân viên giao hàng của Công ty nên khi mua bán Công ty sẽ giao hàng và ông T1 sẽ ký nhận hàng đến cuối năm Công ty chốt nợ và ông T1 thanh toán thì sẽ tính lãi suất là 1%/tháng từ ngày chốt nợ đến ngày 07/4/2022.

Nay yêu cầu xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền thuốc, chỉ yêu cầu đối với số tiền 33.740.000 đồng và tiền lãi còn lại các khoản tiền thuốc khác và lãi tương ứng thì xin rút lại yêu cầu.

Hội đồng xét xử công bố, bản tự khai của ông T1, biên bản xác minh về tình trạng cư trú của ông T1 và các chứng cứ là sổ chi tiết nợ tiền phân, tiền thuốc và các phiếu xuất kho và phiếu giao hàng, Quy định chính sách khi mua sản phẩm của công ty.

Nguyên đơn xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng, quan điểm giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng dân sự đã thực hiện đúng quy định tố tụng, tuy nhiên bị đơn ông Nguyễn Hữu T1 đại diện - Hộ kinh doanh Nguyễn Hữu T1 đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần hai nên đề nghị xét xử vắng mặt điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy vụ án đã quá thời hạn giải quyết nhưng không ảnh hưởng đến nội dung vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có đủ cơ sở để chấp nhận. Riêng đối với phần lãi nguyên đơn có đơn yêu cầu sửa

đổi, bổ sung đơn kiện đối với phần lãi xin thay đổi thời gian bắt đầu tính lãi. Nhận thấy, việc yêu cầu sửa đổi, bổ sung thời điểm bắt đầu tính lãi không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với thời điểm yêu cầu tính lãi. Về phần lãi suất theo yêu cầu tính lãi suất 1%/tháng xét là thấy có lợi cho bị đơn nên xét chấp nhận yêu cầu tính lãi suất là 1%. Ngoài ra nguyên đơn xin rút lại một phần đối với yêu cầu trả nợ tiền thuốc cho Công ty với tổng số tiền xin rút là 245.240.000 đồng. Nhận thấy, việc rút yêu cầu là tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền 245.340.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Công ty Trách nhiệm hữu hạn An Phát Kiên Giang khởi kiện yêu cầu Nguyễn Hữu T1 đại diện- Hộ kinh doanh Nguyễn Hữu T1, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 6, ấp Ninh Hòa, xã An Tức, huyện Tri Tôn, huyện Tri Tôn trả số tiền còn nợ của hợp đồng mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Nên đây là vụ án kinh doanh thương mại, có quan hệ tranh chấp là hợp đồng mua bán hàng hóa và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho ông T1 nhưng ông T1 vẫn vắng mặt lần hai. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hợp đồng

Xét, giữa Công ty và ông T1 đều thừa nhận có thỏa thuận việc mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật từ năm 2020 nên các bên có thực hiện việc giao và nhận hàng với nhau, nhưng từ khi giao hàng xong đến nay đã hết thời hạn thanh toán nhưng ông T1 không thanh toán, nên Công ty yêu cầu ông T1 thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Công ty. Như vậy giữa các bên có thỏa thuận hợp đồng mua bán hàng hóa với nhau trên cơ sở tự nguyện, hình thức thỏa thuận bằng lời nói với nhau và nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật. Do đó, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng. Do ông T1 không thực hiện việc thanh toán là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên Công ty khởi kiện yêu cầu ông T1 thanh toán nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 11, Điều 24, Điều 50, Điều 55 Luật thương mại năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2029.

Xét về chứng cứ nguyên đơn cung cấp và yêu cầu Tòa án thu thập, thấy rằng:

+ Đối với sổ chi tiết nợ tiền phân ngày 31/3/2021 ông T1 thừa nhận có nợ Công ty là 186.750.000 đồng, mặc dù ông T1 không thừa nhận chữ ký nhận nợ ngày 31/3/2021 theo sổ chốt nợ tiền phân và ông cho rằng đã trả nợ thêm cho Công ty được 03 lần mỗi lần là 40.000.000 đồng nên Tòa án đã ra Quyết định yêu cầu ông T1 cung cấp chứng cứ chứng minh đã trả tiền cho Công ty nhưng ông T1 không cung cấp được chứng cứ. Căn cứ theo Điều 92 Bộ luật dân sự thì nguyên đơn không cần phải chứng minh do ông T1 đã thừa nhận còn nợ Công ty tiền phân là 186.750.000 đồng, nhưng đối với yêu cầu Công ty chỉ yêu cầu ông T1 trả 166.750.000 đồng do ông T1 đã trả được 20.000.000 đồng nên chấp nhận yêu cầu của Công ty là ông T1 còn nợ Công ty là 166.750.000 đồng.

+ Đối với sổ chi tiết nợ tiền phân ngày 31/3/2021 ông T1 không thừa nhận chữ ký “T1” chốt nợ với Công ty là chữ ký của ông, trong đó ông T1 chỉ thừa nhận nợ Công ty chứng từ HDS-2266 ngày 10/3/2021 với số tiền là 33.740.000 đồng nên căn cứ theo Điều 92 Bộ luật dân sự nên nguyên đơn không cần phải chứng minh nên xác định ông T1 có nợ Công ty số tiền thuộc là 33.740.000 đồng.

Như vậy, Công ty chứng minh được ông T1 nợ tiền phân và tiền thuộc của Công ty tổng cộng là 200.490.000 đồng (*trong đó tiền phân là 166.750.000 đồng và tiền thuộc là 33.740.000 đồng*). Ông T1 đến hạn thanh toán nhưng không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Do đó Công ty khởi kiện yêu cầu ông T1 trả nợ là phù hợp, xét chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 200.490.000 đồng.

Còn lại đối với các chứng từ số HDS-1324 ngày 14/01/2021 nợ 153.100.000 đồng; chứng từ số HDS-2281 ngày 28/10/2020 nợ 34.800.000 đồng; chứng từ số HDS-6380 ngày 31/10/2020 nợ 31.400.000 đồng; chứng từ số HDS-1437 ngày 21/01/2021 nợ 3.600.000 đồng; chứng từ số HDS-1632 ngày 31/01/2021 nợ 15.840.000 đồng; chứng từ số HDS-1686 nợ 6.600.000 đồng thể hiện trong sổ chi tiền nợ tiền thuộc ngày 31/3/2021. Tại phiên tòa ông C xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông T1. Xét thấy việc rút lại yêu cầu khởi kiện đối với các chứng từ trên là tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật theo khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận. Do đó, căn cứ khoản 4 Điều 70, điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu ông T1 trả tiền thuộc với tổng số tiền là 245.340.000 đồng.

[2.2] Về lãi suất:

Theo đơn kiện Công ty yêu cầu ông T1 phải trả tiền lãi là 54.063.000 đồng của số vốn là 429.000.000 đồng (*trong đó nợ tiền phân là 166.750.000 đồng, tiền thuộc là 263.240.000 đồng với lãi suất 1%/tháng tính từ ngày nợ đến ngày 07/4/2022*). Tuy nhiên, đến ngày 04/4/2024 Công ty có yêu cầu sửa đổi, bổ sung tiền lãi yêu cầu tính lãi từ ngày 31/3/2021 đến ngày 07/4/2022 là 20.010.000 đồng của lãi tiền phân và 31.588.800 đồng của lãi tiền thuộc. Nay tại phiên tòa Công ty vẫn yêu cầu tính lãi tiền phân và chỉ yêu cầu tính lãi tiền thuộc đối với số nợ là 33.740.000.000 đồng.

Xét Công ty cho rằng các bên có thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng nhưng từ khi chót nợ đến nay ông T1 không thanh toán lãi cho Công ty; ông T1 xác định có nợ tiền phân và thuốc của Công ty nhưng do số nợ còn ít nên ông không đồng ý trả vốn và lãi theo yêu cầu của Công ty. Như vậy xác định các bên chưa thống nhất về lãi suất. Nhưng do ông T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ kể từ thời điểm nhận hàng đến khi chót nợ ông T1 vẫn không thanh toán xong, cho nên ông T1 chậm thanh toán thì Công ty có quyền yêu cầu ông T1 trả tiền lãi do chậm thanh toán.

Căn cứ theo mức lãi suất chậm thanh toán trung bình của ba Ngân hàng (Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện Tri Tôn An Giang; Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Sài Gòn Thương Tín chi nhánh An Giang – phòng giao dịch Tri Tôn và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – chi nhánh An Giang) từ năm 2021 – năm 2022 là 15.25%/năm. Nhưng do Công ty chỉ yêu cầu tính lãi suất từ ngày chót nợ là ngày 31/3/2021 với lãi suất là 1%/tháng đến ngày 07/4/2022. Xét yêu cầu của nguyên đơn là có lợi cho bị đơn nên chấp, căn cứ theo Điều 306 Luật thương mại năm 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019.

Từ ngày 31/3/2021 đến ngày 07/4/2022 là 12 tháng 07 ngày nên tiền lãi là: $200.490.000 \times 12 \text{ tháng } 07 \text{ ngày} \times 1\%/\text{tháng} = 24.527.000$ (làm tròn) đồng.

Như vậy tiền lãi là 24.527.000 (Hai mươi bốn triệu năm trăm hai mươi bảy ngàn đồng) đồng.

[3] Về án phí:

Công ty khởi kiện được Tòa án chấp nhận nên Công ty không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn trả tạm ứng án phí cho Công ty.

Ông T1 trả nợ nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các, Điều 11, Điều 24 và Điều 50, Điều 55, Điều 306 Luật Kinh doanh thương mại năm 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 70, Điều 92, **Điều 144, Điều 147**, điểm c khoản 1 Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn An Phát Kiên Giang.

Buộc ông Nguyễn Hữu T1 đại diện – Hộ kinh doanh Nguyễn Hữu T1 có trách nhiệm trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn An Phát Kiên Giang số tiền là

200.490.000 đồng và tiền lãi là 24.527.000 đồng nên tổng số tiền là 225.017.000 (*Hai trăm hai mươi lăm triệu không trăm mười bảy ngàn*) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn An Phát Kiên Giang đối với hợp đồng mua bán tiền thuốc yêu cầu ông Nguyễn Hữu T1 đại diện – Hộ kinh doanh Nguyễn Hữu T1 trả nợ 245.340.000 đồng.

3. *Về án phí:*

Ông Nguyễn Hữu T1 đại diện – Hộ kinh doanh Nguyễn Hữu T1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 11.251.000 đồng (*mười một triệu hai trăm năm mươi một ngàn đồng*)

Công ty trách nhiệm hữu hạn An Phát Kiên Giang không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn An Phát Kiên Giang số tiền 11.681.000 tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008470 ngày 27/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn (*Do ông Lâm Quốc C đại diện theo giấy ủy quyền nhận*).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân Tỉnh An Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKS.ND huyện Tri Tôn;
- THA.DS huyện Tri Tôn;
- TAND Tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Minh Huyền